



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: 162 Nguyễn Tuân - Phường Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 04
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT	05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ	10 - 34



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 207 trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Khái quát chung về Công ty

Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 207 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 được thành lập theo quyết định số 14/TCT- TCĐT ngày 04 tháng 08 năm 2003 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Sông Đà. Xí nghiệp Sông Đà 207 được chuyển thành Công ty Cổ phần Sông Đà 207 theo quyết định số 04 CT/HĐQT ngày 29/12/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2 về việc thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015669 ngày 25/01/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 25/01/2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 29/10/2007

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 05/08/2008

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 25/09/2008

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 03/08/2009;

Công ty có 3 chi nhánh:

Chi nhánh Phát triển Xây dựng Dân dụng thành lập theo Quyết định số 19CT/HĐQT ngày 18 tháng 07 năm 2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh Phát triển Xây dựng dân dụng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113018864 ngày 06 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Địa chỉ tại: số 162A Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Chi nhánh được đổi tên theo quyết định số 32/2009/QĐ-207 ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Chủ tịch hội đồng quản trị về việc đổi tên Chi nhánh Phát triển Xây dựng Dân dụng thành Chi nhánh Hà Nội.

Chi nhánh Nha Trang thành lập theo Quyết định số 20CT/HĐQT ngày 01 tháng 07 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh Nha Trang và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0102150565-003 ngày 07 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp. Địa chỉ tại: số 100/6A Trần Phú, phường Lập Thọ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh thành lập theo Quyết định số 18CT/HĐQT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0102150565-004 ngày 08 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Địa chỉ tại: tầng 9 toà nhà Harmony số 47 - 49 - 51 Phùng Khắc Khoan, phường ĐaKao, quận 1 thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phần số 08/GCN-SGDHN ngày 3/2/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội, Công ty Cổ phần Sông Đà 207 với mã chứng khoán là SDB được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 3/2/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty là: **55.000.000.000** đồng (*Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn*)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: 162 Nguyễn Tuân - Phường Nhân Chính

- Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ

cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC*(tiếp theo)***Ngành nghề kinh doanh của Công ty**

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và xây dựng hạ tầng đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng công trình thủy lợi: đê đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Sản xuất, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách và vận tải đường bộ;
- Lập và thực hiện các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp. Tư vấn, lập hồ sơ dự thầu, đấu thầu trong lĩnh vực xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn quản lý và điều hành các dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ đấu giá, quảng cáo, quản lý và tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Quản lý khu đô thị, khu nhà ở, văn phòng, khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
- Dịch vụ uỷ thác đầu tư;
- Kinh doanh bất động sản.

Địa chỉ: 162 Nguyễn Tuân - Phường Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 và đến ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Phạm Ngọc Dũng	Chủ tịch
Ông Hồ Văn Dũng	Ủy viên
Bà Trần Thị Kim Thanh	Ủy viên
Ông Trần Trung Kiên	Ủy viên
Ông Trần Việt Sơn	Ủy viên

Ban Tổng giám đốc

Ông Phạm Ngọc Dũng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Trung Kiên	Phó Tổng giám đốc
Ông Nguyễn Đình Dũng	Phó Tổng giám đốc
Ông Trần Việt Sơn	Phó Tổng giám đốc

Kiểm toán viên

Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam (VAE).

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: 162 Nguyễn Tuân - Phường Nhân Chính

- Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐCđính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

(tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ kế toán

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện bất thường nào khác xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tại ngày 30/06/2010 và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty kỳ hoạt động kết thúc cùng ngày.

Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

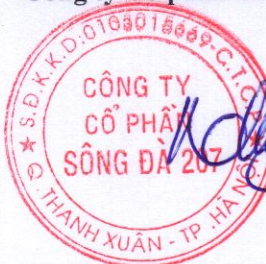
- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ này hay không; và
- Lập các Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi việc tiếp tục hoạt động của Công ty không được đảm bảo.

Ban Tổng giám đốc có trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp, đầy đủ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng giám đốc

Công ty Cổ phần Sông Đà 207

**Phạm Ngọc Dũng****Tổng giám đốc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2010



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN QUỐC TẾ BKR INTERNATIONAL

Địa chỉ: Tầng 11 Tòa nhà Sông Đà - Số 165 - Đường Cầu Giấy - Quận Cầu Giấy - Hà Nội
ĐT: 04. 62 670 491/492/493 Fax: 04.62 670 494 Website: www.vae.com.vn

Số : 597 -10/BC-TC/II-VAE

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2010

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty Cổ phần Sông Đà 207**

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam đã tiến hành công tác soát xét Bảng cân đối kế toán tổng hợp giữa niên độ tại ngày 30/06/2010, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp giữa niên độ và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 được lập ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là 'Công ty') từ trang 06 đến trang 34 kèm theo.

Như đã trình bày trong Báo cáo Ban Tổng giám đốc từ trang 02 đến trang 04, Ban Tổng giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo kết quả công tác soát xét về Báo cáo tài chính giữa niên độ này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính giữa niên độ không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo kết quả công tác soát xét được lập thành sáu (06) bản bằng tiếng Việt. Công ty Cổ phần Sông Đà 207 giữ 05 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam giữ 01 bản. Các bản có giá trị pháp lý như nhau.



Trần Quốc Tuấn

Tổng giám đốc

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 0148/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Cao Việt Hồng

Kiểm toán viên

Chứng chỉ Kiểm toán viên số: 1231/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		266.125.931.846	293.207.151.843
I Tiền và các khoản tương đương tiền	110		15.990.915.638	12.639.228.377
1 Tiền	111	V.1.	15.990.915.638	12.639.228.377
2 Các khoản tương đương tiền	112		-	-
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		105.776.143.530	144.285.599.372
1 Phải thu của khách hàng	131	VIII.2.1	51.998.547.062	82.193.888.758
2 Trả trước cho người bán	132	VIII.2.2	53.367.295.156	61.692.367.153
4 Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐXD	134		-	-
5 Các khoản phải thu khác	135	V.2.	410.301.312	399.343.461
IV Hàng tồn kho	140		135.135.658.376	130.402.094.342
1 Hàng tồn kho	141	V.3.	135.135.658.376	130.402.094.342
2 Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V Tài sản ngắn hạn khác	150		9.223.214.302	5.880.229.752
1 Chi phí trả trước ngắn hạn	151		635.171.934	1.214.644.455
2 Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.024.454.551	1.177.045.991
3 Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4 Tài sản ngắn hạn khác	158	VIII.2.3	7.563.587.817	3.488.539.306
B TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		62.668.677.348	25.722.634.037
II Tài sản cố định	220		46.231.374.394	16.945.694.721
1 Tài sản cố định hữu hình	221	V.5.	11.159.979.731	10.552.780.691
- Nguyên giá	222		22.687.110.184	20.855.290.240
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(11.527.130.453)	(10.302.509.549)
2 Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.4.	30.438.195.536	2.729.733.660
- Nguyên giá	225		33.483.668.618	4.891.074.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(3.045.473.082)	(2.161.340.340)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.6.	4.633.199.127	3.663.180.370
IV Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.872.246.033	3.872.246.033
2 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	VIII.2.4	3.600.000.000	3.600.000.000
3 Đầu tư dài hạn khác	258	VIII.2.6	272.246.033	272.246.033
V Tài sản dài hạn khác	260		12.565.056.921	4.904.693.283
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7.	7.417.237.371	2.260.636.493
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	VIII.2.5	5.147.819.550	2.644.056.790
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		328.794.609.194	318.929.785.880

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2010

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2010	01/01/2010
A NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		253.919.662.648	245.783.046.284
I Nợ ngắn hạn	310		220.384.044.454	233.674.264.861
1 Vay và nợ ngắn hạn	311	V.8.	99.053.611.676	80.994.318.430
2 Phải trả người bán	312	VIII.2.7	75.912.415.636	65.834.252.478
3 Người mua trả tiền trước	313	VIII.2.8	29.518.703.643	74.255.508.986
4 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.9.	2.574.196.873	2.261.468.793
5 Phải trả người lao động	315		4.182.945.812	2.742.722.631
6 Chi phí phải trả	316	V.10.	3.412.580.704	2.870.261.449
9 Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.11.	4.863.183.077	4.056.799.221
10 Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11 Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		866.407.033	658.932.873
II Nợ dài hạn	330		33.535.618.194	12.108.781.423
1 Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4 Vay và nợ dài hạn	334	V.12.	21.953.937.947	3.873.496.667
5 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6 Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		134.548.506	137.984.756
7 Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8 Doanh thu chưa thực hiện	338		11.447.131.741	8.097.300.000
B VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		74.874.946.546	73.146.739.596
I Vốn chủ sở hữu	410	V.13.	74.874.946.546	73.146.739.596
1 Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
2 Thặng dư vốn cổ phần	412		8.750.000.000	8.750.000.000
7 Quỹ đầu tư phát triển	417		4.878.922.943	4.454.392.771
8 Quỹ dự phòng tài chính	418		813.368.399	538.396.036
9 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10 Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		5.432.655.204	4.403.950.789
11 Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1 Nguồn kinh phí	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		328.794.609.194	318.929.785.880

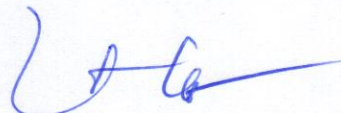
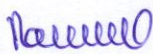
Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2010

Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Tạ Thị Giang

Phạm Đình Hiệp

Phạm Ngọc Dũng

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.14.	195.446.957.099	68.134.799.080
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01 - 02)	10	VI.15.	195.446.957.099	68.134.799.080
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.16.	172.176.973.721	58.330.312.281
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		23.269.983.378	9.804.486.799
6 Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.17.	651.276.593	78.717.378
7 Chi phí tài chính	22	VI.18.	5.918.615.316	3.011.815.921
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		5.918.615.316	3.011.815.921
8 Chi phí bán hàng	24		-	-
9 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VIII.2.9	12.141.433.982	4.449.912.203
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		5.861.210.673	2.421.476.053
11 Thu nhập khác	31		-	87.945.774
12 Chi phí khác	32		9.047.600	-
13 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(9.047.600)	87.945.774
14 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		5.852.163.073	2.509.421.827
15 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.19.	824.011.398	-
16 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17 Lợi nhuận/(lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		5.028.151.675	2.509.421.827
18 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		914	836

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2010

Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng



Tạ Thị Giang

Phạm Đình Hiệp

Phạm Ngọc Dũng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		5.852.163.073	2.509.421.827
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	2		2.108.753.646	1.916.079.718
- Chi phí lãi vay	6		5.918.615.316	3.011.815.921
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		13.879.532.035	7.437.317.466
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		38.509.455.842	1.154.585.592
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(4.733.564.034)	10.980.279.872
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(34.649.458.378)	(18.519.548.759)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(4.577.128.357)	1.797.747.369
- Tiền lãi vay phải trả	13		(5.918.615.316)	(3.011.815.921)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.678.349.765	903.137.339
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		(8.049.911.805)	(5.293.853.428)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(2.861.340.248)	(4.552.150.470)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.257.438.992)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		651.276.593	78.717.378
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(606.162.399)	78.717.378
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	10.000.000.000
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		75.532.656.650	59.882.084.154
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(59.675.507.899)	(51.466.108.783)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(8.309.908.843)	(437.408.295)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(728.050.000)	(50.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		6.819.189.908	17.928.567.076
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		3.351.687.261	13.455.133.984
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		12.639.228.377	869.039.330
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	V.1	15.990.915.638	14.324.173.314

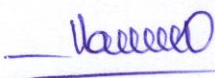
Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2010

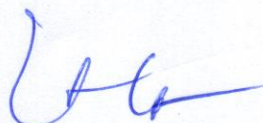
Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng





Tạ Thị Giang

Phạm Đình Hiệp



Phạm Ngọc Dũng

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sông Đà 207 (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Xí nghiệp Sông Đà 207 – Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 2 được thành lập theo quyết định số 14/TCT- TCĐT ngày 04 tháng 08 năm 2003 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Sông Đà. Xí nghiệp Sông Đà 207 được chuyển thành Công ty Cổ phần Sông Đà 207 theo quyết định số 04 CT/HĐQT ngày 29/12/2006 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 2 về việc thành lập Công ty Cổ phần Sông Đà 207 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015669 ngày 29/10/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty có 04 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gồm:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 25/01/2007;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất ngày 29/10/2007;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 05/08/2008;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ ba ngày 25/09/2008;

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 4 ngày 03/08/2009;

Công ty có 3 chi nhánh:

Chi nhánh Phát triển Xây dựng Dân dụng thành lập theo Quyết định số 19CT/HĐQT ngày 18 tháng 07 năm 2007 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh Phát triển Xây dựng dân dụng và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0113018864 ngày 06 tháng 08 năm 2007 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Địa chỉ tại: số 162A Nguyễn Tuân, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội. Chi nhánh được đổi tên theo quyết định số 32/2009/QĐ-207 ngày 16 tháng 7 năm 2009 của Chủ tịch hội đồng quản trị về việc đổi tên Chi nhánh Phát triển Xây dựng Dân dụng thành Chi nhánh Hà Nội.

Chi nhánh Nha Trang thành lập theo Quyết định số 20CT/HĐQT ngày 01 tháng 07 năm 2009 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh Nha Trang và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0102150565-003 ngày 07 tháng 07 năm 2009 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Khánh Hoà cấp. Địa chỉ tại: số 100/6A Trần Phú, phường Lập Thợ, thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hoà.

Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh thành lập theo Quyết định số 18CT/HĐQT ngày 15 tháng 06 năm 2010 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Sông Đà 207 về việc thành lập Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh số 0102150565-004 ngày 08 tháng 07 năm 2010 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Địa chỉ tại: tầng 9 toà nhà Harmony số 47 - 49 - 51 Phùng Khắc Khoan, phường ĐaKao, quận 1 thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký niêm yết cổ phần số 08/GCN-SGDHN ngày 3/2/2010 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội. Công ty Cổ phần Sông Đà 207 với mã chứng khoán là SDB được niêm yết cổ phiếu phổ thông tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 3/2/2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của công ty là: **55.000.000.000** đồng (*Năm mươi lăm tỷ đồng chẵn*)

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng và xây dựng hạ tầng đô thị;
- Xây dựng công trình giao thông: đường bộ, sân bay, bến cảng;
- Xây dựng công trình thủy lợi: đê đập, hồ chứa nước, hệ thống tưới tiêu;
- Cho thuê máy móc, thiết bị trong lĩnh vực xây dựng;
- Trang trí nội, ngoại thất công trình;
- Sản xuất, khai thác, kinh doanh vật liệu xây dựng;
- Xuất, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Kinh doanh vận chuyển hành khách và vận tải đường bộ;
- Lập và thực hiện các dự án xây dựng nhà ở, khu đô thị, khu công nghiệp. Tư vấn, lập hồ sơ dự thầu, đấu thầu trong lĩnh vực xây dựng (không bao gồm dịch vụ thiết kế công trình);
- Tư vấn quản lý và điều hành các dự án đầu tư xây dựng;
- Dịch vụ đấu giá, quảng cáo, quản lý và tư vấn bất động sản (không bao gồm hoạt động tư vấn về giá đất);
- Quản lý khu đô thị, khu nhà ở, văn phòng, khu công nghiệp, khu dân cư, bãi đỗ xe;
- Tư vấn đầu tư (không bao gồm dịch vụ tư vấn pháp luật, tư vấn tài chính);
- Dịch vụ uỷ thác đầu tư.

Địa chỉ: 162 Nguyễn Tuân - Phường Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội

Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán bắt đầu từ 01/01/2010 và kết thúc ngày 30/06/2010.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo phương pháp giá gốc, phù hợp với các quy định của Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003 và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 01 – Chuẩn mực chung.

III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính, sử dụng phần mềm kế toán của Tổng Công ty Sông Đà. Đến thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính tổng hợp Công ty đã in đầy đủ Báo cáo tài chính tổng hợp, sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

IV. Các chính sách kế toán áp dụng**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật kế toán số 03/2003/QH11 ngày 17/06/2003.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

- **Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:** Hàng tồn kho được tính theo giá gốc.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- **Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho cuối kỳ:** Phương pháp bình quân gia quyền sau mỗi lần nhập.

- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.

- **Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Tại thời điểm 30/06/2010, Công ty không trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**3.1 Nguyên tắc ghi nhận, phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thoả mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

Loại tài sản cố định	Thời gian khấu hao <năm>
Máy móc, thiết bị	6 - 12
Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	6 - 7
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	2 - 6

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

3.2 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính và khấu hao

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty là chiếc cần trục tháp Potain Model Mc175B P16A, bộ máy khoan thủy lực, 01 bộ cần Kelly massat, 01 bộ cần kelly khóa cơ khí được ghi nhận là TSCĐ thuê tài chính theo hợp đồng thuê mua với Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 06 – Thuê tài sản. Quyền sở hữu tài sản có thể chuyển giao vào cuối thời hạn thuê.

Các tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian đi thuê.

Loại tài sản cố định**Thời gian khấu hao <năm>**

Máy móc thiết bị

05

4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí xây dựng công trình chung cư cao cấp Bãi Dương được ghi nhận theo giá gốc, tại thời điểm có nghiệm thu, quyết toán từng hạng mục công trình, công trình hoặc khi chi phí thực tế phát sinh có đầy đủ hoá đơn, chứng từ hợp pháp.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty bao gồm khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Sông Đà HTC dưới hình thức công ty liên kết và khoản đầu tư mua thẻ sân Gold được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Các khoản vay ngắn hạn (dài hạn) của Công ty được ghi nhận theo hợp đồng, kế ước vay, phiếu thu, phiếu chi và chứng từ ngân hàng.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí hoạt động tài chính.

7. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí khác

Chi phí trả trước được vốn hoá để phân bổ dần vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ sau, bao gồm các loại chi phí:

Công cụ, dụng cụ thuộc tài sản lưu động xuất dùng một lần với giá trị lớn và công cụ, dụng cụ có thời gian sử dụng dưới một năm;

Chi phí sửa chữa, cải tạo văn phòng Công ty được tính phân bổ dần vào chi phí kinh doanh;

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả của Công ty là khoản trích trước chi phí thi công các hạng mục công trình đã thực hiện nhưng chưa phát hành hoá đơn. Giá trị ghi nhận được xác định dựa vào hợp đồng, các Biên bản nghiệm thu, phiếu giá.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ**Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010***(tiếp theo)*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc ghi nhận quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của công ty được trích lập bằng 3% quỹ lương nộp bảo hiểm xã hội theo Quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 về việc trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, doanh thu xây lắp, doanh thu cho thuê máy doanh thu cho thuê nhà và doanh thu từ lãi tiền gửi Ngân hàng.

Doanh thu bán hàng hoá, sản phẩm được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc dồn tích, ghi nhận khi chuyển giao hàng hoá cho khách hàng, phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho thuê nhà và cho thuê máy được xác định khi dịch vụ hoàn thành, đã có nghiệm thu, thanh lý, đã phát hành hoá đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 4 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác". Phần công việc đã hoàn thành của dịch vụ cung cấp được xác định theo phương pháp tỷ lệ hoàn thành.

Do các hợp đồng xây dựng của Công ty quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng, Doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu, quyết toán, đã phát hành hoá đơn GTGT, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 15 - "Hợp đồng xây dựng".

Doanh thu từ lãi tiền gửi Ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ, phù hợp với 2 điều kiện ghi nhận doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chia quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 14 - "Doanh thu và thu nhập khác".

Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

14. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

14.1 Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu, phải trả

Nguyên tắc xác định khoản phải thu khách hàng dựa theo Hợp đồng và ghi nhận theo Hoá đơn bán hàng xuất cho khách hàng.

Khoản trả trước cho người bán được hạch toán căn cứ vào phiếu chi, chứng từ ngân hàng và Hợp đồng kinh tế.

Nguyên tắc xác định khoản phải trả người bán dựa theo Hợp đồng, phiếu nhập kho và ghi nhận theo Hoá đơn mua hàng của bên mua.

Khoản người mua trả trước được ghi nhận căn cứ vào hợp đồng, phiếu thu, chứng từ ngân hàng.

14.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản vay ngắn hạn, dài hạn

Các khoản vay ngắn hạn, dài hạn được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các kế ước vay và các hợp đồng vay. Các khoản vay có thời hạn từ 1 năm tài chính trở xuống được Công ty ghi nhận là vay ngắn hạn. Các khoản vay có thời hạn trên 1 năm tài chính được Công ty ghi nhận là vay dài hạn.

14.3 Các nghĩa vụ về thuế

Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)

Doanh nghiệp áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành với mức thuế suất thuế GTGT 10% đối với các hoạt động xây lắp, cho thuê nhà và bán vật tư.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty được miễn thuế 2 năm đầu tiên kể từ khi có lãi, giảm 50% trong 03 năm tiếp theo Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22/09/2006 của Chính phủ và Công văn số 5241/CT-HTr ngày 02/05/2008 của Cục thuế Thành phố Hà Nội. Năm 2010 là năm thứ hai được áp dụng giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đối với các hoạt động sản xuất chính.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

14.4 Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn xây lắp được ghi nhận phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ;

Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hoá, vật tư xuất bán cho khách hàng, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

Giá vốn dịch vụ được ghi nhận theo chi phí thực tế phát sinh để hoàn thành dịch vụ, phù hợp với doanh thu ghi nhận trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán

1. Tiền	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Tiền mặt	1.994.215.328	1.368.027.721
Cơ quan Công ty	431.922.289	643.810.585
Chi nhánh Hà Nội	167.834.739	97.754.900
Chi nhánh Nha Trang	1.394.458.300	626.462.236
Tiền gửi ngân hàng (VND)	13.996.700.310	11.271.200.656
Cơ quan Công ty	12.915.434.192	10.810.451.336
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	12.857.954.726	10.402.728.510
Ngân hàng Công thương Thanh Xuân	4.449.935	153.526.549
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Gia Định	52.025.460	251.378.677
Ngân hàng Công thương Việt Nam - Sở giao dịch II	1.004.071	2.817.600
Chi nhánh Hà Nội	878.094.082	24.585.276
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	878.094.082	22.896.133
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy	-	1.689.143
Chi nhánh Nha Trang	203.172.036	436.164.044
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Khánh Hoà	203.172.036	436.164.044
Cộng	15.990.915.638	12.639.228.377
2. Các khoản phải thu ngắn hạn khác	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Phải thu khác	410.301.312	399.343.461
Cơ quan Công ty	390.328.229	388.481.963
Tiền BHXH phải thu của cán bộ công nhân viên	18.569.479	-
Vương Đình Thành	371.659.144	371.659.144
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	-	16.822.819
Cad khoản phải thu khác	99.606	-
Chi nhánh Hà Nội	19.231.526	-
Chi nhánh Nha Trang	741.557	10.861.498
Phải thu của cán bộ công nhân viên	741.557	10.861.498
Tổng cộng	410.301.312	399.343.461
3. Hàng tồn kho	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Nguyên liệu, vật liệu	11.207.891.803	4.916.305.733
Cơ quan Công ty	5.820.085.778	743.234.946
Chi nhánh Hà Nội	4.816.112.644	610.610.277
Chi nhánh Nha Trang	571.693.381	3.562.460.510
Công cụ, dụng cụ	1.661.582.745	1.594.993.605
Cơ quan Công ty	286.850.456	200.491.362
Chi nhánh Hà Nội	1.231.463.607	1.077.832.483
Chi nhánh Nha Trang	143.268.682	316.669.760

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

<i>Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang</i>	122.266.183.828	123.890.795.004
Cơ quan Công ty	56.780.803.979	85.206.134.759
Công trình An Khánh	2.557.294.021	2.557.294.021
Công trình USILK CITY	26.096.799.659	17.793.778.944
Công trình Sài gòn Pearl	12.548.150.363	38.382.461.006
Toà nhà Thăng Long Tower	5.809.139	47.383.597
Công trình Phùng Khắc Khoan	-	13.482.081.112
Khu biệt thự Hồ Tây B	513.700.172	5.045.837.497
Công trình Sài gòn VILLAS	4.483.236.554	4.477.644.147
Công trình Ken Ton	7.704.809.920	3.419.654.435
Công trình Sao Mai	1.496.784.048	-
Công trình Quốc lộ 51	750.157.455	-
Công trình biệt thự Quảng Ninh	624.062.648	-
Chi nhánh Hà Nội	37.253.456.088	17.564.004.422
Công trình USILK CITY	21.541.676.021	-
Công trình đô thị mới An Khánh	4.882.287.224	5.168.397.858
Công trình Hòa Bình	2.320.546.746	4.488.502.605
Công trình TT1 Mỹ Đình	4.191.614.933	2.532.425.591
Công trình Đô thị Văn la	110.720.773	116.548.182
Công trình khu Du lịch sinh thái An Khánh	1.779.892.495	1.912.050.645
Công trình IDC	1.767.504.353	3.107.724.564
Công trình Nguyễn Thượng Hiền	238.354.978	238.354.977
Công trình Cổ Nhuế Nam Cường	420.858.565	-
Chi nhánh Nha Trang	28.231.923.761	21.120.655.823
Công trình Bãi Dương	28.231.923.761	21.120.655.823
Cộng giá gốc hàng tồn kho	135.135.658.376	130.402.094.342

4. Tài sản cố định thuê tài chính

	Đơn vị tính: VND	
	<u>Máy móc, thiết bị</u>	<u>Tổng cộng</u>
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2010	4.891.074.000	4.891.074.000
Mua trong năm	28.592.594.618	28.592.594.618
Đầu tư XD CB hoàn thành	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	33.483.668.618	33.483.668.618
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2010	2.161.340.340	2.161.340.340
Khấu hao trong năm	884.132.742	884.132.742
Thanh lý, nhượng bán	-	-
Giảm khác	-	-
Số dư ngày 30/06/2010	3.045.473.082	3.045.473.082
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2010	2.729.733.660	2.729.733.660
Tại ngày 30/06/2010	30.438.195.536	30.438.195.536

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 207

Địa chỉ: 162 Nguyễn Tuấn - Phường Nhân Chính - Quận Thanh Xuân - Hà Nội
 Tel: (84-04) 3558 5985 Fax: (84-04) 3558 6918

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ hoạt động từ 01/01/2010
đến 30/06/2010
Mẫu số B 09 - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ
 Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010
(tiếp theo)

5. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Chỉ tiêu	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá						
Số dư ngày 01/01/2010		16.800.580.896	3.505.249.536	254.329.108	295.130.700	20.855.290.240
Mua trong năm		1.007.635.910	652.638.580	21.000.000	150.545.454	1.831.819.944
Đầu tư XD/CB hoàn thành		-	-	-	-	-
Tăng khác		-	-	-	-	-
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Bản giao CN XD công nghiệp		-	-	-	-	-
Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010		17.808.216.806	4.157.888.116	275.329.108	445.676.154	22.687.110.184
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư ngày 01/01/2010		9.422.566.457	708.554.425	128.753.519	42.635.148	10.302.509.549
Khấu hao trong năm		814.390.201	328.259.589	33.324.342	48.646.772	1.224.620.904
Chuyển sang BĐS đầu tư		-	-	-	-	-
Thanh lý, nhượng bán		-	-	-	-	-
Giảm khác		-	-	-	-	-
Số dư ngày 30/06/2010		10.236.956.658	1.036.814.014	162.077.861	91.281.920	11.527.130.453
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2010		7.378.014.439	2.796.695.111	125.575.589	252.495.552	10.552.780.691
Tại ngày 30/06/2010		7.571.260.148	3.121.074.102	113.251.247	354.394.234	11.159.979.731

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 VND

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

6. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Chi phí mua xe ô tô Inlova	-	574.380.952
Công trình Chung cư cao cấp Bãi Dương	4.633.199.127	3.088.799.418
Tổng cộng	4.633.199.127	3.663.180.370

7. Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Chi phí trả trước dài hạn</i>	<i>7.417.237.371</i>	<i>2.260.636.493</i>
Cơ quan Công ty	2.964.301.037	162.144.302
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.964.301.037	99.030.393
Chi phí cải tạo	-	63.113.909
<i>Chi phí cải tạo nhà công trình USILK CITY</i>	<i>-</i>	<i>63.113.909</i>
Chi nhánh Xây dựng Công nghiệp	2.313.936.009	-
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.313.936.009	-
Chi nhánh Nha Trang	2.139.000.325	2.098.492.191
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	2.139.000.325	2.098.492.191
Tổng cộng	7.417.237.371	2.260.636.493

8. Vay và nợ ngắn hạn

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>96.358.486.786</i>	<i>79.968.203.315</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy	96.358.486.786	79.968.203.315
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i>	<i>2.695.124.890</i>	<i>1.026.115.115</i>
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	2.695.124.890	1.026.115.115
Tổng cộng	99.053.611.676	80.994.318.430

9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2010	Số phải nộp	Số đã nộp	30/06/2010
Thuế GTGT đầu ra	1.279.925.219	1.842.698.213	2.476.487.058	646.136.374
Thuế xuất nhập khẩu	-	12.239.040	12.239.040	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	732.901.461	824.011.398	-	1.556.912.859
Thuế thu nhập cá nhân	248.642.113	239.185.447	116.679.920	371.147.640
Các loại thuế khác	-	4.000.000	4.000.000	-
Tổng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.261.468.793			2.574.196.873

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

10. Chi phí phải trả	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Cơ quan Công ty	3.412.580.704	1.131.015.019
Trích trước chi phí lãi vay	-	127.266.055
Trích trước chi phí kiểm toán	-	105.000.000
Trích trước chi phí đã phát sinh chưa có hoá đơn GTGT:	3.412.580.704	898.748.964
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đô thị và KCN Sông Đà</i>	315.904.067	89.614.067
<i>Công ty TNHH FPM</i>	200.756.000	738.039.785
<i>Công trình Văn Quán</i>	52.756.388	52.756.388
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng số 2</i>	-	18.338.724
<i>Công ty TNHH Xây dựng nền móng An Phú</i>	2.843.164.249	-
Chi nhánh Hà Nội	-	1.739.246.430
Trích trước chi phí đã phát sinh chưa hoá đơn GTGT của:	-	1.739.246.430
<i>Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Công nghệ</i>	-	268.339.018
<i>Công ty Cổ phần Minh Việt</i>	-	975.577.323
<i>Công ty TNHH Xây dựng thương mại Hoàng Minh</i>	-	495.330.089
Tổng cộng	3.412.580.704	2.870.261.449
11. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Kinh phí công đoàn	675.992.832	698.287.720
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.187.190.245	3.358.511.501
Cơ quan Công ty	4.017.115.045	2.588.323.626
Cổ tức năm 2009 phải trả	2.954.150.000	932.200.000
Trần Trung Kiên	131.606.560	131.606.560
Nguyễn Văn Tú	107.889.315	107.889.315
Trần Thanh Hải	121.388.948	121.388.948
Nguyễn Tứ Hải	10.000.000	10.000.000
Vũ Hữu Hòa	5.711.309	5.711.309
Ngô Minh Tuấn	41.181.777	125.113.972
Trần Quang Đán	4.045.742	4.045.742
Phạm Văn Cường	61.430.432	61.430.432
Tiền nhân công giữ lại theo hợp đồng	45.710.141	45.710.141
Đỗ Thế Thiệp	-	1.000.000.000
Phải trả tiền vật tư mua lẻ	506.364.098	33.469.912
Các khoản phải trả, phải nộp khác	27.636.723	9.757.295
Chi nhánh Hà Nội	151.387.485	765.358.414
Nguyễn Công Thọ	-	6.046.252
Phạm Văn Tuấn	-	646.279.469
Các khoản phải trả, phải nộp khác	4.469.054	-
Phải trả tiền vật tư mua lẻ	146.918.431	90.698.693
Nguyễn Văn Thắng	-	22.334.000
Chi nhánh Nha Trang	18.687.715	4.829.461
Phải trả tiền vật tư mua lẻ	18.467.915	4.829.461

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Phải thu khác		219.800	-
Tổng cộng		4.863.183.077	4.056.799.221
12. Vay và nợ dài hạn		30/06/2010	01/01/2010
	Lãi suất/01 năm	VND	VND
<i>Vay dài hạn</i>		<i>2.758.790.960</i>	<i>3.292.025.680</i>
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Cầu Giấy	14,00%	2.758.790.960	3.292.025.680
<i>Nợ dài hạn</i>		<i>19.195.146.987</i>	<i>581.470.987</i>
Công ty cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam	14,00%	19.195.146.987	581.470.987
Tổng cộng		21.953.937.947	3.873.496.667

Các khoản nợ thuê tài chính:

Đơn vị tính: VND

Thời hạn	Kỳ này		
	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính	Trả lãi tiền thuê	Trả nợ gốc
Trên 1 năm đến 5 năm	8.931.144.790	621.235.947	8.309.908.843

13. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 01/01/2010	55.000.000.000	8.750.000.000	4.403.950.789	38.153.950.789
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	5.028.151.675	5.028.151.675
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	(3.999.447.260)	(3.999.447.260)
Số dư tại ngày 30/06/2010	55.000.000.000	8.750.000.000	5.432.655.204	69.182.655.204

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

30/06/2010

01/01/2010

VND

VND

Vốn góp của các cổ đông

55.000.000.000

55.000.000.000

Cộng

55.000.000.000

55.000.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Kỳ hoạt động từ

Kỳ hoạt động từ

01/01/2010 đến

01/01/2009 đến

30/06/2010

30/06/2009

VND

VND

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

55.000.000.000

30.000.000.000

Vốn góp đầu năm

55.000.000.000

30.000.000.000

Vốn góp tăng trong năm

-

-

Vốn góp giảm trong năm

-

-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Vốn góp cuối năm	55.000.000.000	30.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	4.500.000.000

d) Cổ phiếu	30/06/2010	01/01/2010
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng

đ) Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	5.028.151.675	2.509.421.827
+ Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
+ Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	5.028.151.675	2.509.421.827
+ Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	5.500.000	3.000.000
+ Lãi cơ bản trên cổ phiếu	914	836

f) Các quỹ của công ty	01/01/2010	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND 30/06/2010
Quỹ đầu tư phát triển	4.454.392.771	424.530.172	-	4.878.922.943
Quỹ dự phòng tài chính	538.396.036	274.972.363	-	813.368.399
Tổng cộng	4.992.788.807	699.502.535	-	5.692.291.342

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

14. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu bán hàng	56.021.781	279.125.695
Cơ quan Công ty	16.058.145	279.125.695
Chi nhánh Hà Nội	39.963.636	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	918.193.243	228.268.769
Cơ quan Công ty	777.117.344	228.268.769
Chi nhánh Hà Nội	141.075.899	
<i>Doanh thu hợp đồng xây dựng</i>	194.472.742.075	67.627.404.616
Cơ quan Công ty	184.908.212.741	50.065.835.369
Công trình USILK CITY	74.373.190.821	-
Công trình Sài gòn Pearl	9.181.611.194	40.927.935.497
Toà nhà Thăng Long Tower	1.900.902.609	284.906.230
Công trình Phùng Khắc Khoan	20.052.791.163	8.852.993.642
Khu biệt thự Hồ Tây B	12.924.814.147	-
Công trình Ken Ton	41.701.664.150	-
Công trình Bãi Dương Nha Trang	16.632.118.435	-
Công trình Văn Phú	7.206.908.404	-
Công trình Biệt thự Quảng Ninh	934.211.818	-
Chi nhánh Hà Nội	9.564.529.334	9.424.086.364
Công trình USILK CITY	-	1.091.764.545
Công trình đô thị mới An Khánh	1.656.832.727	-
Công trình Hòa Bình	4.291.587.443	1.710.594.546
Công trình TT1 Mỹ Đình	2.252.472.800	-
Công trình khu DLST An Khánh	-	115.449.091
Công trình IDC	1.363.636.364	6.506.278.182
Chi nhánh Công nghiệp	-	8.137.482.883
Công trình Cầu số 1 và số 2 Khu công nghiệp Bá Thiện	-	1.898.953.859
Công trình 18 Lý Thường Kiệt	-	6.238.529.024
Tổng cộng	195.446.957.099	68.134.799.080
15. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
<i>Doanh thu thuần trao đổi sản phẩm, hàng hoá</i>	56.021.781	279.125.695
Cơ quan Công ty	16.058.145	279.125.695
Chi nhánh Xây dựng Công nghiệp	39.963.636	-
<i>Doanh thu thuần trao đổi dịch vụ</i>	918.193.243	228.268.769
Cơ quan Công ty	777.117.344	228.268.769
Chi nhánh Hà Nội	141.075.899	-
<i>Doanh thu thuần hợp đồng xây dựng</i>	194.472.742.075	67.627.404.616
Cơ quan Công ty	184.908.212.741	50.065.835.369
Chi nhánh Hà Nội	9.564.529.334	9.424.086.364
Chi nhánh Xây dựng Công nghiệp	-	8.137.482.883
Tổng cộng	195.446.957.099	68.134.799.080

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

16. Giá vốn hàng bán	Kỳ hoạt động từ	Kỳ hoạt động từ
	01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
<i>Giá vốn của hàng hoá đã bán</i>	30.173.026	297.962.421
Cơ quan Công ty	16.822.819	297.962.421
Chi nhánh Hà Nội	13.350.207	-
<i>Giá vốn cung cấp dịch vụ</i>	1.135.991.737	192.957.287
Cơ quan Công ty	1.135.991.737	192.957.287
<i>Giá vốn hợp đồng xây dựng</i>	171.010.808.958	57.839.392.573
Cơ quan Công ty	161.188.811.809	42.753.973.419
Công trình USILK CITY	39.333.130.878	-
Công trình Sài Gòn Pearl	26.122.407.996	34.241.643.445
Toà nhà Thăng Long Tower	1.820.189.430	171.460.378
Công trình Phùng Khắc Khoan	18.254.902.452	7.065.044.596
Khu biệt thự Hồ Tây B	12.343.197.511	-
Công trình Sài Gòn VILLAS	-	1.275.825.000
Công trình Ken Ton	40.680.184.468	-
Công trình Bãi Dương Nha Trang	14.684.527.611	-
Công trình Văn Phú	7.062.770.236	-
Công trình biệt thự Quảng Ninh	887.501.227	-
Chi nhánh Hà Nội	9.821.997.149	7.924.197.587
Công trình đô thị mới An Khánh	1.555.030.874	1.043.878.064
Công trình Hòa Bình	3.063.761.668	1.756.088.494
Công trình TT1 Mỹ Đình	1.473.554.838	-
Công trình Đô thị Văn la	30.905.884	-
Công trình khu Du lịch sinh thái An Khánh	199.424.601	115.449.091
Công trình IDC	3.406.071.193	5.008.781.938
Công trình Nguyễn Thượng Hiền	93.248.091	-
Chi nhánh Xây dựng Công nghiệp	-	7.161.221.567
Khu công nghiệp Bá Thiện	-	1.641.985.243
Kiệt	-	5.519.236.324
Tổng cộng	172.176.973.721	58.330.312.281
17. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ hoạt động từ	Kỳ hoạt động từ
	01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
<i>Lãi tiền gửi</i>	651.276.593	78.717.378
Cơ quan Công ty	643.101.222	73.266.719
Chi nhánh Hà Nội	4.017.556	2.102.792
Chi nhánh Xây dựng Công nghiệp	-	3.347.867
Chi nhánh Nha Trang	4.157.815	-
Tổng cộng	651.276.593	78.717.378

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

18. Chi phí tài chính	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
<i>Lãi tiền vay</i>	5.918.615.316	3.011.815.921
Cơ quan Công ty	5.918.615.316	3.011.815.921
Tổng cộng	5.918.615.316	3.011.815.921
19. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Doanh thu chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	196.098.233.692	228.140.511.846
Chi phí tính thuế thu nhập doanh nghiệp	190.202.768.667	222.836.015.748
Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	5.895.465.025	5.304.496.098
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trên doanh thu chịu thuế	1.473.866.256	1.326.124.025
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm	650.366.759	1.326.124.025
Số thuế TNDN phải nộp năm hiện hành	823.499.498	-
Tổng cộng	824.011.398	-
VIII Những thông tin khác		
1.1 Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Lương	770.677.034	357.998.271
Tổng cộng	770.677.034	357.998.271
2. Những thông tin khác		
2.1 Phải thu của khách hàng	30/06/2010 VND	01/01/2010 VND
Cơ quan Công ty	43.853.472.591	73.623.821.716
Ban quản lý Dự án Hoà Bình	742.464.497	1.446.836.105
Xí nghiệp Bê tông và Vật liệu xây dựng Sông Đà	22.800.000	22.800.000
Công ty Cổ phần Chúc An	-	541.048.550
Công ty TNHH Việt Nam Land SSG	37.042.516	15.386.166.086
Công ty Cổ phần Địa ốc và Xây dựng SSG	247.744.890	6.308.664.385
Công ty Cổ phần Thiết bị và Tư vấn Đầu tư CTXD Thăng Long	833.333	30.833.333
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng đô thị Việt Nam	77.422.728	77.422.728

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Đại An	345.284.362	345.284.362
Công ty TNHH Xây dựng, sản xuất, thương mại Tài Nguyên	11.714.633.318	6.745.197.678
Doanh nghiệp tư nhân Duy Hoàng Minh	1.278.894.000	3.501.775.000
BQL dự án khu ĐT mới Văn Khê - Công ty CP Sông Đà Thăng Long	7.208.959.564	39.217.793.489
Công ty Cổ phần tư vấn đầu tư công nghệ Đại Hà	1.066.749.153	-
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	11.225.421	-
Công ty cổ phần Hồ Tây một thành viên	2.905.053.787	-
Công ty cổ phần đầu tư Sông Đà Sao Việt	1.273.453.456	-
Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Lê	16.920.911.566	-
Chi nhánh Hà Nội	8.145.074.471	8.570.067.042
Ban Quản lý dự án Hòa Bình	2.216.840.243	568.319.397
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng và Du lịch Bảo Sơn	1.081.602.850	1.081.602.850
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Sông Đà	269.605.000	769.605.000
Ban quản lý các dự án đô thị khu vực Hà Nội	4.577.026.378	5.919.183.298
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch TTD	-	231.356.497
Tổng cộng	51.998.547.062	82.193.888.758

2.2 Trả trước cho người bán

	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cơ quan Công ty	52.152.443.076	58.264.774.017
Công ty Cổ phần Phát triển thương hiệu 2 ý tưởng	5.115.000	5.115.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Kim Long	-	48.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	9.595.174.017	11.535.043.064
Phạm Tú Dung	30.000.000	30.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Thái Hưng	10.584.130.049	15.569.590.447
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	-	1.725.382.841
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	20.000.000.000	20.000.000.000
Cửa hàng hoa kiểng Thái Bình	-	8.320.500
Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế xây dựng và y tế Hồ Việt	-	8.850.000
Công ty TNHH Bê tông lafarge Việt Nam	-	7.290.000
Công ty TNHH Cơ khí Phú Vinh	1.050	138.997.050
Công ty TNHH Xây dựng, thương mại, du lịch Cát Phương Nam	-	310.000.000
Công ty TNHH Thương mại, dịch vụ Vĩnh Tường	51.559.313	51.559.313
Công ty Công nghệ và Xây dựng Sài Gòn	-	67.463.000
Công ty TNHH Sản xuất thương mại Duyên Tân	-	96.558.990
Công ty Cổ phần Ứng dụng giải pháp kỹ thuật	2.840.738.700	2.840.738.700
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Á Châu	-	2.107.350.000
Công ty TNHH Xây dựng nền móng An Phú	-	2.146.533.712
Tổng công ty Sông Đà	3.000.000.000	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Catsoft	-	8.772.000
Công ty cổ phần ĐTPT Thương mại và Dịch vụ Đại Dương	100.000.000	150.000.000
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ kỹ thuật ESSCO	-	295.350.000
Nguyễn Anh Tuấn	-	10.000.000
Công ty Liên doanh TOYOTA TC Hà Nội	3.965.608	52.079.400
Công ty TNHH cho thuê tài chính Quốc tế	2.953.042.910	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư xây dựng AEC Việt Nam	-	21.780.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Dịch vụ viễn thông IP	-	20.000.000
Công ty Cổ phần L.Q. JOTON	-	10.000.000
Công ty Cổ phần VIMECO cơ khí và thương mại	28.170.000	-
Công ty TNHH Đầu tư xây dựng và Lắp đặt Phục Hưng	435.652.800	-
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Vũ Lộc	122.650.000	-
Công ty TNHH Xây dựng, dịch vụ IFS	1.893.583.629	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thương mại và Xây dựng Toàn Cầu	320.100.000	-
Công ty TNHH VO interactive	23.560.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ viễn thông IP	60.000.000	-
Công ty Cổ phần nền móng Việt Nam	105.000.000	-
Chi nhánh Hà Nội	905.483.580	2.808.237.226
Công ty Cổ phần Xây dựng Minh Việt	-	910.000.000
Công ty Cổ phần Đá Lai Châu	-	240.000.000
Công ty TNHH Nam Chiến	-	200.000.000
Công ty TNHH Xây dựng vận tải Hoàng Minh	378.627.310	347.560.000
Hợp tác xã Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng và dịch vụ Trung Kiên	-	44.460.000
Công ty TNHH Xây dựng thương mại An Xuân Thịnh	222.000.000	222.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn AEC Việt Nam	-	30.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Hoàng Đạo	138.000.000	526.256.000
Công ty Cổ phần Thương mại xây dựng Phú Đại Sơn	-	138.000.000
Công ty TNHH VLXD Thùy Trang	81.856.270	-
Công ty Cổ phần Kính Nam Vân	25.000.000	-
Công ty Cổ phần Cựu chiến binh Đại Dương	60.000.000	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Toàn Cầu	-	149.961.226
Chi nhánh Nha Trang	309.368.500	619.355.910
Hồ Văn Thành	-	11.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hoà	1.000.000	1.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hoàng Phúc	-	11.340.000
Công ty TNHH MTV Á Quân	-	324.287.535
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Xuân	200.000.000	271.728.375
Công ty TNHH khảo sát và xây dựng Tân Quang	8.368.500	-
Nguyễn Thị Linh Linh	85.000.000	-
Võ Thị Bích Duy	15.000.000	-
Tổng cộng	53.367.295.156	61.692.367.153
2.3 Tài sản ngắn hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Tạm ứng	2.847.919.038	1.126.332.656
Cơ quan Công ty	1.607.027.385	755.147.315
Chi nhánh Hà Nội	1.166.437.109	299.797.472
Chi nhánh Nha Trang	74.454.544	71.387.869
Các khoản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	4.715.668.779	2.362.206.650
Tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng	4.712.668.779	2.359.206.650
Chi nhánh Điện Hà Đông	3.000.000	3.000.000
Tổng cộng	7.563.587.817	3.488.539.306

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

2.4 Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Đầu tư vào Công ty liên kết	3.600.000.000	3.600.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà HTC	3.600.000.000	3.600.000.000
Tổng cộng	3.600.000.000	3.600.000.000
2.5 Tài sản dài hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
<i>Các khoản cầm cố ký quỹ, ký cược dài hạn</i>		
Tiền bảo lãnh thực hiện hợp đồng - Ngân hàng Đầu tư và Phát triển chi nhánh Cầu Giấy	5.147.819.550	2.644.056.790
Tổng cộng	5.147.819.550	2.644.056.790
2.6 Đầu tư dài hạn khác	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Mua thẻ sân Gold	272.246.033	272.246.033
Tổng cộng	272.246.033	272.246.033
2.7 Phải trả người bán	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cơ quan Công ty	59.014.519.599	51.133.324.480
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	1.067.456.588	1.047.283.991
Tổng công ty Sông Đà	50.512.156	50.512.156
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển đô thị và KCN Sông Đà	150.323.993	150.323.993
Công ty Cổ phần Xây dựng Vạn Xuân	210.534.535	210.534.535
Công ty TNHH FPM	189.547.827	100.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Đức Hùng	18.780.493	18.780.493
Công ty Cổ phần Chứng khoán Sao Việt - Chi nhánh Hà Nội	15.000.000	15.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Thiên Thanh	-	49.367.000
Chi nhánh Công ty Cổ phần Hà Châu OSC - Xí nghiệp Hà Châu	13.921.116.410	5.752.644.657
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sông Đà	1.225.215.200	1.225.215.200
Công ty TNHH Xây dựng nâng cấp Thanh Đô	-	20.380.000
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Linh Thành	-	5.023.000
Trung tâm Trang thiết bị Bảo hiểm lao động Phạm Tố Trinh	7.740.000	2.340.000
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tịnh	5.023.000	22.832.002
Công ty TNHH Dịch vụ thương mại Tuấn Quốc	5.744.988	1.600.000
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Thiên Hà Phát	-	31.050.018
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tân Vượng	-	1.027.765.676
Công ty TNHH Thương mại xây dựng Phương Liệt	-	60.199.989
Công ty Cổ phần Thương mại thép Việt Sấm	152.437.912	244.691.238
Công ty Cổ phần Bê tông xây dựng Hà Nội	1.840.906.404	676.035.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	1.408.797.104	1.529.778.113
Công ty Cổ phần Xây dựng Tài Nguyên	6.060.000	289.780.000
Công ty TNHH LTH VRC (VN)	-	32.285.398
Công ty TNHH MTV Tùng Lâm	-	132.442.532
Công ty TNHH Xây lắp điện thương mại Hợp Tiến	-	126.098.270
Công ty TNHH Tổ chức biểu diễn Việt Trung	-	31.270.000
Công ty Liên doanh TOYOTA TC Việt Nam	-	2.000.000
Công ty TNHH Kỹ nghệ Toàn Tâm	-	531.523.119
Công ty TNHH Thương mại Thủy Độ	55.514.000	49.910.000
Công ty CP nền móng Sông Đà Thăng Long	25.872.117.756	34.654.509.531
Công ty TNHH Vận tải sản xuất và Xây dựng Đức Thắng	-	20.064.000
Công ty TNHH Đông Nam Dương	-	147.614.040
Công ty TNHH Xây dựng sản xuất, thương mại Tài Nguyên	5.690.629.566	371.008.823
Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và Công nghiệp Á Châu	1.495.434.225	-
Công ty TNHH xây dựng nền móng An Phú	1.103.849.594	-
Công ty cổ phần Đầu tư phát triển Thương mại và Dịch vụ Đại Dương	402.902.000	-
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Phi Khách	-	-
Công ty Công nghiệp và Xây dựng Sài Gòn TNHH	15.402.623	-
Công ty TNHH Xây dựng, thương mại, du lịch Cát Phương Nam	13.894.081	-
Hoa kiếng Thái Bình	-	-
Công ty TNHH Xây dựng nền móng Dương Hải	40.000.000	-
Công ty TNHH Thương mại Đông Hải Long	200.408.000	-
Công ty cổ phần Sông Đà HTC	-	-
Công ty cổ phần Sông Đà Việt Đức	14.920.000	-
Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Hoàng Việt	30.690.000	-
Công ty TNHH Thương mại và dịch vụ Toàn Cầu	12.858.144	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng, thương mại Nam Thái Bình	13.200.000	-
Công ty CP Đầu tư phát triển Cường Thuận IDICO	30.100.800	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ viễn thông IP	28.025.900	75.995.000
Công ty Cổ phần L.Q Joton	-	41.606.966
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Thương mại Toàn Cầu	-	87.858.144
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại MEGA	771.649.147	181.094.228
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại dịch vụ giao nhận vật tư Toàn Thán	19.250.000	111.250.000
Chi nhánh Miền Nam - Công ty TNHH Phát triển công nghệ BTK	-	120.377.854
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Tân Vượng	-	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Thiên An	-	84.865.921
Công ty TNHH Xây dựng, sản xuất, thương mại, dịch vụ Phú Thịnh	709.644.587	19.192.800
Công ty cổ phần tư vấn Xây dựng thương mại An Phước	15.000.000	-
Công ty TNHH Như ý	-	45.790.000
Công ty cổ phần Sài Gòn Triển Vọng	54.452.116	-
Công ty TNHH Bích Sơn	676.271.879	-
Công ty TNHH Sản xuất thương mại dịch vụ Việt Thông	13.904.165	-
Công ty cổ phần Xuyên Đại Dương	20.980.382	-
Công ty TNHH Hồng Anh	52.026.000	-
Công ty cổ phần xây dựng thương mại TNG	276.900.000	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và thương mại Quang Minh	-	-
Công ty cổ phần Thương mại và Du lịch Thiên Đường Châu Á	96.336.000	-
Công ty cổ phần thép và vật tư Hà Nội	712.217.482	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty TNHH Phúc Thành	137.200.000	-
Công ty cổ phần thương mại công trình Việt	3.240.000	-
Công ty cổ phần đầu tư và sản xuất An Phát	140.577.272	-
Công ty NDESIGN	19.727.270	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	-	1.735.430.793
Chi nhánh Hà Nội	7.998.427.877	4.497.378.651
Công ty TNHH Phúc Thành	-	15.510.000
Công ty TNHH Vận tải Tiên Thu	-	13.200.000
Công ty TNHH Vật tư sản xuất và Xây dựng Đức Thắng	90.360.109	533.582.623
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Sơn Hải	-	40.260.000
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Trung Kiên	68.622.560	-
Vi Văn Sử	32.500.000	213.822.310
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.02	-	31.174.688
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 205	-	55.568.000
Công ty TNHH Xây dựng, thương mại, dịch vụ Phú Thịnh	-	77.338.950
Trung tâm Trang thiết bị bảo hộ lao động Phạm Tổ Trinh	-	58.036.000
Công ty TNHH Xây dựng vận tải Hoàng Minh	-	64.326.867
Công ty TNHH Nam Chiến	1.071.938.300	7.956.300
Công ty Cổ phần Gỗ Đông Nam á	-	7.446.500
Công ty TNHH Xây dựng dịch vụ Nam Phát	-	17.253.810
Công ty TNHH Thương mại Hưng Phú Thành	-	26.561.858
Công ty Cổ phần Xây dựng và Thương mại Hợp Phát	-	16.071.000
Công ty TNHH Thương mại và Xây dựng Hưng Hà	-	530.084.805
Công ty Cổ phần Môi trường đô thị Hà Đông	-	12.000.000
Công ty Cổ phần Xây dựng, thương mại kinh doanh vận tải Vitransco	-	18.500.000
Công ty TNHH Xây dựng, đầu tư thương mại An Thịnh	17.351.250	44.351.250
Công ty TNHH Một thành viên Tín Nghĩa	-	28.577.500
Công ty TNHH Sản xuất, thương mại xây dựng Nhật Tân	-	24.240.909
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Tuấn Quốc	39.362.440	69.362.440
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu thương mại, xây dựng Toàn Cầu	308.683.735	-
Công ty TNHH Xây dựng thương mại và Sản xuất Tiên Anh	-	100.000.000
Công ty TNHH Thành Nam	66.250.000	137.500.000
Công ty Kinh doanh trang thiết bị bảo hộ lao động Hương Dững	63.057.000	4.673.000
Công ty Cổ phần Xây dựng, sản xuất, thương mại Hà Tây	102.232.546	352.232.546
Doanh nghiệp tư nhân vật liệu Hùng Đức	51.590.000	149.850.000
Công ty TNHH Quế Lâm	126.096.385	126.096.385
Công ty TNHH thiết bị phụ tùng Tân Hoà Phát	76.232.750	-
Tổng đội Thanh niên xung phong Trường Sơn - Chi nhánh Hà Nội	50.411.600	90.411.600
Công ty Liên doanh Vật liệu xây dựng Sunway	-	69.400.689
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại 901	-	84.269.500
Doanh nghiệp tư nhân Xuân Quỳnh	-	54.610.029
Công ty TNHH Thương mại Hồng Thái	47.345.000	154.495.000
Công ty Cổ phần Phát triển Tây Hà	270.208.564	525.462.763
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ vận tải Đại Siêu Phát	12.025.000	12.025.000
Công ty TNHH Xây dựng và Phát triển hạ tầng Ánh Dương	141.193.139	124.012.739
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Tịnh	-	74.832.361

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty TNHH Quang Huy	-	176.970.458
Công ty Cổ phần Việt Mỹ	-	32.310.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Tân Thành Đô	43.762.500	80.750.000
Công ty cổ phần giao thông 8A	3.910.000	-
Chi nhánh Công ty Xuất nhập khẩu Than	-	27.809.706
Công ty Xuất nhập khẩu Vietland	68.249.391	52.972.000
Công ty TNHH Tư vấn và Xây dựng Công nghệ	91.469.065	161.469.065
Công ty cổ phần tư vấn Hoàng Đạo	44.664.240	-
Doanh nghiệp tư nhân Giang Hồng Đạt	3.300.000	-
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Bách Việt	19.049.960	-
Công ty TNHH Thương mại sản xuất Tân Vượng	739.467.800	-
Công ty TNHH Thùy Trang	196.604.812	-
Công ty cổ phần nền móng Sông Đà Thăng Long	3.551.756.558	-
Công ty cổ phần Hà Châu	140.619.418	-
Công ty cổ phần đầu tư thương mại và dịch vụ Tam Sơn	24.268.135	-
Công ty cổ phần đầu tư và xây dựng Nam Đô	29.071.000	-
Xí nghiệp bê tông - xây dựng 606 Thăng Long	11.629.091	-
Công ty cổ phần đá Lai Châu	206.127.610	-
Chi nhánh vật tư Thái Nguyên - Công ty Cổ phần Vật tư và Thiết bị	15.182.500	-
Công ty cổ phần Đầu tư xây dựng và du lịch Việt Nam	70.347.200	-
Công ty TNHH Đăng Tế Lợi	75.437.401	-
Công ty Chế biến lâm sản Văn Lộc	28.050.818	-
Chi nhánh Nha Trang	8.899.468.160	10.203.549.347
Cửa hàng Nguyễn Thị Khoa Phúc	264.460.450	452.101.500
Công ty TNHH TM và XD Hoàng Phúc	11.926.629	-
Công ty TNHH Xây dựng và Thương mại Ban Tích	2.383.446.817	3.707.338.103
Công ty TNHH Ngọc Hân	11.795.500	-
Cửa hàng VLXD Vân	1.300.000	-
Cửa hàng Quang Thịnh	8.972.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Ngọc Huệ	-	369.676.340
Công ty TNHH Tân Vĩnh Phúc	21.104.927	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex	1.580.494.600	1.980.127.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Vinaconex UPGC	171.565.872	-
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	51.974.097	-
Công ty TNHH vữa Á Châu	-	108.072.576
Công ty TNHH Á Quân	24.736.195	317.294.300
Công ty TNHH Thanh Yên	-	343.555.000
Công ty Cổ phần Xây dựng số 17 Vinaconex	929.557.000	751.650.000
Công ty TNHH Thăng Lợi	67.134.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ bảo vệ 24	26.290.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Vĩnh Phước	46.888.800	32.990.000
Doanh nghiệp tư nhân Trọng Chi	3.400.000	-
Doanh nghiệp tư nhân Hùng Hương	59.522.160	-
Doanh nghiệp tư nhân Thanh Xuân	2.704.538.960	-
Công ty Cổ phần Giải pháp và Dịch vụ kỹ thuật ESSCO	-	360.750.000
Công ty Cổ phần Thương mại Cửu Long	-	1.527.735.570

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ thương mại 79	12.748.500	43.498.500
Doanh nghiệp tư nhân Bảo Anh	13.898.900	-
Phân viện khoa học Chi nhánh Xây dựng miền Nam	3.700.000	-
Công ty Cổ phần xây dựng Thương mại và Sản xuất Hoà Khánh	445.135.000	-
Công ty TNHH tư vấn đầu tư và thương mại Thành Thái	12.250.480	-
Công ty Cổ phần Đo đạc xây dựng và thiết bị Phúc Gia	41.800.000	50.380.000
Các đối tượng khác	827.273	158.380.458
Tổng cộng	75.912.415.636	65.834.252.478
2.8 Người mua trả tiền trước	30/06/2010	01/01/2010
	VND	VND
Cơ quan Công ty	13.210.157.490	68.657.656.336
Ban quản lý dự án Giao thông đô thị	-	-
Nguyễn Thị Thu Tâm	-	1.811.664.307
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư công nghệ Đại Hà	-	699.126.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn SSG	-	1.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Sông Đà Sao Việt	-	1.787.582.329
Công ty Cổ phần Sông Đà Nha Trang	9.600.519.980	13.658.010.202
Công ty TNHH Hồ Tây MTV	-	1.780.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	-	41.035.302.000
Công ty TNHH Xây dựng, sản xuất, thương mại Tài Nguyên	-	6.885.970.998
Công ty cổ phần dịch vụ bán lẻ Tiên Phong	186.255.875	-
Công ty TNHH dịch vụ tiếp thị Tài Ngân	56.120.224	-
Công ty TNHH tư vấn Việt Nam	102.457.095	-
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ kỹ thuật Thiên Thanh	5.000.000	-
Công ty TNHH Cổ phần Quảng cáo truyền thông Thiên Hy Long	7.500.000	-
Công ty TNHH phát triển công nghiệp năng lượng	278.697.117	-
Nguyễn Hải Phong	398.020.000	-
Công ty TNHH Hồng Anh Bảo	3.000.000	-
Công ty TNHH dịch vụ bảo vệ Hoàng Việt	3.762.000	-
Công ty TNHH Riverbank Việt Nam	230.114.168	-
Công ty Cổ phần Công trình giao thông Sông Đà	660.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Tân Hưng Thịnh	252.992.431	-
Công ty Cổ phần Văn Oanh	1.425.718.600	-
Chi nhánh Hà Nội	8.094.246.153	5.597.852.650
Công ty TNHH MTV SUDICO An Khánh	1.699.280.800	1.799.280.800
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Đại Thành	-	-
Ban quản lý các Đô thị khu vực Hà Nội	2.298.571.850	2.298.571.850
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Du lịch Bảo Sơn	1.200.000.000	1.200.000.000
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ du lịch TTD	168.643.503	300.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nam Cường	2.727.750.000	-
Chi nhánh Nha Trang	8.214.300.000	-
Tổng cộng	29.518.703.643	74.255.508.986

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

2.9 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Cơ quan Công ty	10.059.685.014	3.303.911.078
Chi phí nhân viên quản lý	3.449.963.745	1.495.024.946
Chi phí vật liệu quản lý	139.030.595	98.430.662
Chi phí đồ dùng văn phòng	241.259.684	65.153.426
Chi phí khấu hao TSCĐ	309.273.825	18.155.069
Thuế, phí và lệ phí	673.427.538	672.385.362
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.460.454.953	328.684.476
Chi phí bằng tiền khác	786.274.674	626.077.137
Chi nhánh Hà Nội	1.294.007.332	618.932.995
Chi phí nhân viên quản lý	859.413.215	341.571.134
Chi phí vật liệu quản lý	61.123.228	21.206.612
Chi phí đồ dùng văn phòng	50.430.004	28.703.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	41.840.028	44.810.646
Thuế, phí và lệ phí	48.818.350	66.235.585
Chi phí dịch vụ mua ngoài	117.024.129	60.880.666
Chi phí bằng tiền khác	115.358.378	55.524.877
Chi nhánh Xây dựng Công nghiệp	-	527.068.130
Chi phí nhân viên quản lý	-	276.594.936
Chi phí vật liệu quản lý	-	8.698.497
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	22.085.419
Thuế, phí và lệ phí	-	31.991.419
Chi phí dự phòng	-	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	99.231.077
Chi phí bằng tiền khác	-	88.466.782
Chi nhánh Nha Trang	787.741.636	-
Chi phí nhân viên quản lý	597.243.918	-
Chi phí vật liệu quản lý	3.419.727	-
Chi phí đồ dùng văn phòng	25.029.658	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.960.078	-
Thuế, phí và lệ phí	8.516.420	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.842.487	-
Chi phí bằng tiền khác	84.729.348	-
Tổng cộng	12.141.433.982	4.449.912.203

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010

(tiếp theo)

2.10 Thu nhập khác

	Kỳ hoạt động từ 01/01/2010 đến 30/06/2010 VND	Kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến 30/06/2009 VND
Cơ quan Công ty	-	87.945.774
Điều chỉnh công nợ phải trả cho các đội công trình Văn Quán	-	87.945.774
Tổng cộng	-	87.945.774

1.2 Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính tổng hợp cho kỳ hoạt động từ 01/01/2009 đến ngày 30/06/2009 do Công ty Cổ phần Sông Đà 207 lập.

Hà Nội, ngày 22 tháng 07 năm 2010

Công ty Cổ phần Sông Đà 207

Tổng giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Tạ Thị Giang

Phạm Đình Hiệp

Phạm Ngọc Dũng